

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH BÀN THI HỘI TRƯỞNG TẦNG 3

TT	Họ và tên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Mã Vị trí	Ghi chú
Bàn thi số 1					
1.	Lê Xuân Thủy	Đăng kiểm viên đường sắt	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.004	Ca sáng 9h00
2.	Trần Trung Dương	Đăng kiểm viên đường sắt	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.004	
3.	Trần Trung Kiên	Đăng kiểm viên đường sắt	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.004	
4.	Lê Tuấn Minh	Đăng kiểm viên đường sắt	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.004	
5.	Doãn Thành Công	Đăng kiểm viên đường sắt	Chi cục Đăng kiểm số 4	VC.013	
6.	Ngô Trí Mạnh	Đăng kiểm viên đường sắt	Chi cục Đăng kiểm số 6	VC.019	
7.	Trần Văn Dân	Đăng kiểm viên đường sắt	Chi cục Đăng kiểm số 6	VC.019	
8.	Vũ Hoàng Long	Đăng kiểm viên xe máy chuyên dùng	Chi cục Đăng kiểm số 6	VC.018	Ca chiều 13h30
9.	Nguyễn Thanh Bình	Đăng kiểm viên xe máy chuyên dùng	Chi cục Đăng kiểm số 6	VC.018	
10.	Lê Thị Hiền	Kế toán viên	Chi cục Đăng kiểm số 4	VC.014	
11.	Tô Thu Trang	Kế toán viên	Chi cục Đăng kiểm số 11	VC.032	
12.	Cao Thị Vam	Kế toán viên	Chi cục Đăng kiểm số 11	VC.032	
13.	Trần Mạnh Chính	Kế toán viên	Chi cục Đăng kiểm số 15	VC.036	
14.	Trần Thị Hiền Giang	Kế toán viên	Chi cục Đăng kiểm Hải Hưng	VC.046	
Bàn thi số 2					
15.	Đỗ Hữu Hưng	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.002	Ca sáng 9h00

TT	Họ và tên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Mã Vị trí	Ghi chú
16.	Lê Vũ Hoàng Linh	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.002	
17.	Trần Đăng Triễn	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 5	VC.016	
18.	Hồ Quốc Đạt	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 5	VC.016	
19.	Trần Sơn	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 8	VC.021	
20.	Phạm Hồng Thanh	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 8	VC.021	
21.	Lê Quang Lễ	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 9	VC.024	
22.	Trương Đức Thuấn	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 10	VC.027	Ca chiều 13h30
23.	Nguyễn Hoàng Thạch	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 10	VC.027	
24.	Nguyễn Hữu Trọng	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 10	VC.027	
25.	Nguyễn Khắc Hùng	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 10	VC.027	
26.	Vũ Khánh Hiệp	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (điện tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 10	VC.028	
27.	Nguyễn Hải Kiên	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 11	VC.030	
28.	Đặng Trần Trung Kiên	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 16	VC.038	
29.	Phạm Công Đức	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm Hải Hưng	VC.045	
30.	Phan Trung Hiếu	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm An Giang	VC.053	
31.	Đào Ngô Đức Anh	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (máy tàu)	Chi cục Đăng kiểm Kiên Giang	VC.055	
Bàn thi số 3					
32.	Lê Xuân Anh	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 3	VC.009	Ca sáng 9h00
33.	Đào Quang Trung	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 4	VC.012	
34.	Nguyễn Hoàng Thọ	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 4	VC.012	
35.	Cao Thái Hưng	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 5	VC.015	

TT	Họ và tên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Mã Vị trí	Ghi chú
36.	Nguyễn Hồng Anh Vinh	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 5	VC.015	
37.	Nguyễn Vĩnh Thông	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 8	VC.020	
38.	Hoàng Văn Luân	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 9	VC.023	
39.	Nguyễn Đức Quý	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 10	VC.026	Ca chiều 13h30
40.	Bảo Tuệ	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 10	VC.026	
41.	Phạm Văn Đông	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 10	VC.026	
42.	Đặng Ngọc Trừu	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 11	VC.029	
43.	Nguyễn Tài Long	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 11	VC.029	
44.	Nguyễn Hoàng Tấn	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm số 18	VC.041	
45.	Lương Hải Anh	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm Hải Hưng	VC.044	
46.	Hoàng Văn Cương	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm Hải Hưng	VC.044	
47.	Nguyễn Chí Thanh	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm An Giang	VC.052	
48.	Khương Bảo Thọ	Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (vỏ tàu)	Chi cục Đăng kiểm An Giang	VC.052	
Bàn thi số 4					
49.	Vũ Minh Hoàng	Đăng kiểm viên tàu biển	Chi cục Đăng kiểm số 6	VC.017	Ca sáng 9h00
50.	Trương Trọng Hiếu	Đăng kiểm viên tàu biển	Chi cục Đăng kiểm số 6	VC.017	
51.	Huỳnh Lê Quang Thiện	Đăng kiểm viên tàu biển	Chi cục Đăng kiểm số 6	VC.017	
52.	Trịnh Minh Tùng	Đăng kiểm viên tàu biển	Chi cục Đăng kiểm số 6	VC.017	
53.	Nguyễn Đức Hậu	Đăng kiểm viên tàu biển	Chi cục Đăng kiểm số 9	VC.025	Ca chiều 13h30
54.	Nguyễn Văn Trường	Đăng kiểm viên tàu biển	Chi cục Đăng kiểm số 9	VC.025	
55.	Hà Xuân Bách	Đăng kiểm viên tàu biển	Chi cục Đăng kiểm số 9	VC.025	

TT	Họ và tên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Mã Vị trí	Ghi chú
56.	Võ Quốc Anh	Đăng kiểm viên tàu biển	Chi cục Đăng kiểm số 9	VC.025	
57.	Phạm Đức Thắng	Đăng kiểm viên tàu biển	Chi cục Đăng kiểm số 9	VC.025	
58.	Phạm Ngọc Duy	Đăng kiểm viên tàu biển	Chi cục Đăng kiểm số 9	VC.025	
Bàn thi số 5					
59.	Nguyễn Bình Nguyên	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.005	Ca sáng 9h00
60.	Đỗ Hồng Giang	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.005	
61.	Lê Thị Hồng Hoa	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.005	
62.	Phạm Thị Kim Ngân	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.005	
63.	Nguyễn Thu Nga	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.005	
64.	Lê Thu Hằng	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.005	
65.	Phạm Ngọc Duy	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.005	Ca chiều 13h30
66.	Chu Thị Nguyệt	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.005	
67.	Trương Quỳnh Hoa	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.005	
68.	Nguyễn Viết Dũng	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.005	
69.	Nguyễn Văn Hiệp	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 1	VC.005	
70.	Trần Thị Thủy	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 2	VC.008	
71.	Trần Anh Tuấn	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 8	VC.022	
72.	Trần Lê Duy	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 11	VC.031	
73.	Nguyễn Viết Hoàng	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 11	VC.031	
Bàn thi số 6					
74.	Lê Thị Thiên Nhi	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 16	VC.039	Ca sáng 9h00

TT	Họ và tên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Mã Vị trí	Ghi chú
75.	Trần Thanh Quyền	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 16	VC.039	
76.	Nguyễn Quốc Huy Khanh	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 16	VC.039	
77.	Nguyễn Lê Tiến Anh	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 16	VC.039	
78.	Nguyễn Phú Hào	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 16	VC.039	
79.	Nguyễn Lê Dương Linh	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 16	VC.039	
80.	Phạm Cẩm Ly	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm số 18	VC.043	Ca chiều 13h30
81.	Mai Thanh Nhiệm	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm Vĩnh Long	VC.051	
82.	Nguyễn Thị Nhung	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm Vĩnh Long	VC.051	
83.	Trần Ngọc Xuân	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm Vĩnh Long	VC.051	
84.	Đặng Thị Xuân Hoa	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm An Giang	VC.054	
85.	Nguyễn Thị Yến Giang	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm An Giang	VC.054	
86.	Trương Thị Phương Quyên	Nhân viên nghiệp vụ	Chi cục Đăng kiểm An Giang	VC.054	